

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 7 năm 2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thiều Phương;

Ông Nguyễn Viết Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 15/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngọc Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đình Văn H1, sinh năm 1990.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh H1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có sự cưới hỏi,

chứng kiến của hai bên gia đình theo phong tục truyền thống. Ngày 04/3/2010 cả hai anh chị được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian đầu sinh sống vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình, tình cảm vợ chồng vì tính cách, quan điểm sống không còn hòa hợp nên vợ chồng cãi vã và không tìm được tiếng nói chung, luôn sống bất đồng quan điểm, nhiều lần xảy ra mâu thuẫn đã được người thân trong gia đình khuyên can và hòa giải nhưng vẫn lặp đi lặp lại nhiều lần mà vợ chồng cũng không cải thiện được tình cảm. Vợ chồng sống ly thân được hai năm từ 2019 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn yêu thương chăm sóc ai, chị H tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để chị có cơ hội xây dựng cuộc sống mới. Về con chung: Vợ chồng anh, chị chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Đình Quang V, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2010, khi ly hôn chị H không có nguyện vọng nuôi con để con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi đủ tuổi trưởng thành, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án anh H1 dù biết việc vợ yêu cầu xin ly hôn nhưng đều vắng mặt không có lý do, anh H1 có bản tự khai gửi cho Tòa án 11/3/2021 anh H1 trình bày anh đã biết việc chị H xin ly hôn anh, việc chị H xin ly hôn anh là do mâu thuẫn chị H đi ngoại tình bà ngoại bắt gặp được và từ đó chị H bỏ nhà ra đi từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, anh khuyên chị H về nhà để cùng nhau dạy con, nhưng chị H một mực đòi ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Khi ly hôn chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh để nuôi con.

Nay chị Ngọc Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Đình Văn H1. Chị H cũng làm đơn không yêu cầu Tòa án hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt, lý do cách ly xã hội bởi dịch bệnh Covid-19. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải và đã làm đầy đủ các thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 273; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc Thị H xin ly hôn với anh Đình Văn H1; về con chung: Giao con cho anh H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đình Quang V, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Ngọc Thị H và anh Đinh Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì hiện nay đang bị cách ly bởi dịch bệnh Covid-19. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Ngọc Thị H và bị đơn anh Đinh Văn H1 theo thủ tục chung.

[3] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, do đó pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Ngọc Thị H và anh Đinh Văn H1 tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T ngày 04/9/2012. Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và phù hợp với Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Ngọc Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H1 đều vắng mặt không có lý do, và chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[6] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh tại nhà bà Bé Thị Đ là mẹ đẻ của anh Đinh Văn H1 và ông Nông Văn C, trưởng thôn C xã Q đã xác định: Anh Đinh Văn H1 biết việc ly hôn của vợ nhưng anh H1 không đến Tòa án để giải quyết; mẹ của anh H1 cũng xác định vợ chồng anh Đinh Văn H1 H1 và chị Ngọc Thị H sống với nhau có 01 con chung, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nghi ngờ chị H có quan hệ với người đàn ông khác, từ năm 2019 chị H không về nhà chồng và từ đó cho đến nay. Công an xã Quốc Khánh cho biết, anh H1 chưa chuyển hộ

khẩu hay làm thủ tục tạm vắng tạm trú đi nơi khác nhưng cũng không có mặt tại địa phương thường xuyên.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng sống ly thân với nhau được 02 năm không quan tâm đến nhau, về tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Ngọc Thị H được ly hôn anh Đinh Văn H1.

[8] Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Đinh Quang V, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2010. Hiện nay cháu do anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, cần giao cháu cho anh Đinh Văn H1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Vĩnh. Chị Ngọc Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[9] Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chị Ngọc Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo theo quyên định tại Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 51; khoản 2 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 228; 238; 271; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngọc Thị H, xử cho chị Ngọc Thị H được ly hôn với anh Đinh Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Quang V, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2010 cho anh Đinh Văn H1 có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Ngọc Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ khi án có hiệu lực anh H1 có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; vay nợ; công sức; đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngọc Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng chị H phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001329 ngày 24/02/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Ngọc Thị H phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn,
Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn,
- VKSND huyện Trảng Định;
- Chi cục THADS huyện Trảng Định.
- UBND xã Quốc Khánh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Tiền